

Bản án số: 157/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2019
V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hà Như Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Lương Thị Bạch.
2. Ông Trương Minh Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 499/2018/HNST ngày 12 tháng 12 năm 2018, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNST ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ông Vũ Đăng Thái B, sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Đường H, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Hà Lệ K, sinh năm: 1989 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Đường V, Phường O, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Vũ Đăng Thái B trình bày:

Năm 2015, trong quá trình học tập và làm việc tại nước Cộng hòa Pháp, ông và bà Hà Lệ K (viết tắt là bà K) tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông và bà K có 01 (một) người con chung tên Vũ Đăng Anh T (nam), sinh ngày 12 tháng 5 năm 2016. Sau đó, ông và bà K phát sinh mâu thuẫn do đôi bên không hợp tính cách, khác biệt quan điểm, không thể hàn gắn mặc dù đôi bên đã nhiều lần hòa giải, khắc phục

mâu thuẫn. Vì vậy, từ đầu năm 2017 và kể từ sau khi trở về lại Việt Nam từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay, ông và bà K sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau.

Ông xác nhận, quan hệ tình cảm giữa ông và bà K không còn, đôi bên không có đăng ký kết hôn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông đồng ý giao 01 (một) người con chung tên Vũ Đặng Anh T (nam), sinh ngày 12 tháng 5 năm 2016 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng ông đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi người con chung nêu trên với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là bà Hà Lệ K trình bày:

Bà xác nhận là vào năm 2015, bà và ông Vũ Đặng Thái B (sau đây gọi tắt là ông B) đã chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn trong thời gian bà và ông B học tập, làm việc tại nước Cộng hòa Pháp. Bà thống nhất với lời trình bày của ông B về con chung, về tài sản chung và về nợ chung là đúng. Sau đó đôi bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, khác biệt về tính cách, mặc dù đôi bên đã nhiều lần hòa giải nhưng đều không khắc phục được nên từ đầu năm 2017, bà và ông B không còn sinh sống cùng nhau. Tháng 11 năm 2017, bà và ông B cùng người con chung là trẻ Vũ Đặng Anh T trở về Việt Nam. Hiện nay, bà và ông B mỗi người đều có cuộc sống riêng, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung. Vì vậy, bà đồng ý yêu cầu ly hôn của ông B.

Về con chung: Bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) người con chung tên Vũ Đặng Anh T (nam), sinh ngày 12 tháng 5 năm 2016 và đồng ý để ông B cấp dưỡng tiền nuôi con chung nêu trên với mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông B và bà K giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên, đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng, thống nhất là thực hiện cấp dưỡng tiền nuôi con người chung vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05 tháng 6 năm 2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn với bị đơn; công nhận sự thỏa thuận giữa các bên về việc

giao người con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng nguyên đơn cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng, thực hiện cấp dưỡng vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 05 tháng 6 năm 2019; đôi bên không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Vũ Đăng Thái B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Hà Lệ K, đôi bên chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà Hà Lệ K hiện đang cư trú tại đường V, Phường O, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Ông Vũ Đăng Thái B và bà Hà Lệ K tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2015, có đủ điều kiện kết hôn nhưng cho đến nay đôi bên đều không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ năm 2017 cho đến nay phát sinh mâu thuẫn do đôi bên khác biệt về tính cách, quan điểm nên không còn chung sống cùng nhau; vì vậy ông B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà K.

Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Do đó, căn cứ vào các quy định nêu trên, quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà K không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không có cơ sở để giải quyết ly hôn mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B và bà K.

[2.2] Về con chung: Ông B và bà K có 01 (một) người con chung tên Vũ Đăng Anh T (nam), sinh ngày 12 tháng 5 năm 2016. Hiện nay, người con chung nêu trên đang được bà K trực tiếp nuôi dưỡng.

Đôi bên tự thỏa thuận như sau: Ông B đồng ý giao 01 (một) người con chung tên Vũ Đăng Anh T (nam), sinh ngày 12 tháng 5 năm 2016 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng ông B đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi người con chung nêu trên với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng. Thực hiện việc cấp

dưỡng tiền nuôi con chung vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 05 tháng 6 năm 2019 cho đến khi người con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà K đều tự khai là đôi bên không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Ông Vũ Đăng Thái B chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vũ Đăng Thái B và bà Hà Lệ K
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Vũ Đăng Thái B đồng ý giao 01 (một) người con chung tên Vũ Đăng Anh T (nam), sinh ngày 12 tháng 5 năm 2016 cho bà Hà Lệ K trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng ông Vũ Đăng Thái B đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi người con chung nêu trên với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 05 tháng 6 năm 2019 cho đến khi người con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Vũ Đăng Thái B và bà Hà Lệ K tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông Vũ Đăng Thái B chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Vũ Đăng Thái B đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0006720 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B còn phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hà Lệ K cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Đăng Thái B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về quyền kháng cáo :

Ông Vũ Đăng Thái B và bà Hà Lệ K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận N;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hà Như Oanh